

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính
nhà nước giai đoạn 2021 - 2030**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 (sau đây gọi tắt là Chương trình), với các nội dung cụ thể như sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Cải cách hành chính phải được tiến hành trên cơ sở quan điểm, chủ trương của Đảng về đổi mới hệ thống chính trị, phải tiến hành đồng bộ với cải cách lập pháp, cải cách tư pháp và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, góp phần xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Cải cách hành chính phải xuất phát từ lợi ích của người dân, doanh nghiệp; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

3. Các nội dung cải cách hành chính phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tiễn và góp phần thúc đẩy thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước theo từng giai đoạn.

4. Cải cách hành chính phải gắn với nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và hành động sáng tạo; đổi mới lề lối làm việc, phương thức quản trị hiện đại, trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; tận dụng có hiệu quả thành tựu, tiến bộ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, với lộ trình, bước đi phù hợp, tránh mọi biểu hiện bàng quan, thiếu tự tin, thụ động, nhưng không nóng vội, chủ quan, duy ý chí.

5. Cải cách hành chính phải kế thừa những thành tựu đã đạt được trong cải cách hành chính nhà nước giai đoạn vừa qua; tiếp thu những kinh nghiệm, những bài học thành công trong cải cách của các nước có nền hành chính phát triển để vận dụng vào thực tiễn một cách phù hợp.

II. MỤC TIÊU CHUNG

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, công khai, minh bạch, nâng cao trách nhiệm giải trình; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ; hệ thống cơ quan hành chính nhà nước các cấp tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ nhân dân. Nâng cao mức độ hài lòng của người dân, lấy sự hài lòng của người dân là mục tiêu phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

Trọng tâm cải cách hành chính 10 năm tới là: Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý, chú trọng cải cách tiền lương của cán bộ, công chức, viên chức; phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

III. CÁC NỘI DUNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỤ THỂ CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

1.1. Mục tiêu

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế của nền hành chính nhà nước, đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực; nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng bộ, hiện đại, hội nhập, trọng tâm là thị trường các yếu tố sản xuất, nhất là thị trường quyền sử dụng đất, khoa học, công nghệ; tạo được bước đột phá trong huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thúc đẩy phát triển đất nước; tổ chức thi hành pháp luật nghiêm minh, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cá nhân, tổ chức và toàn xã hội.

1.2. Nhiệm vụ

a) Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách pháp luật về tổ chức bộ máy hành chính, chế độ công vụ đầy đủ, đồng bộ trên cơ sở Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức.

b) Xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

- Hoàn thiện thể chế về sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp; bảo đảm mọi doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đều hoạt động theo cơ chế thị trường, bình đẳng và cạnh tranh lành mạnh theo pháp luật: Thể chế hóa đầy đủ quyền sở hữu tài sản của Nhà nước, tổ chức và cá nhân đã được

quy định trong Hiến pháp năm 2013. Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật về đất đai, tài nguyên để huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, khắc phục tình trạng tranh chấp, khiếu kiện, tham nhũng, lãng phí trong lĩnh vực này. Công khai, minh bạch việc quản lý, sử dụng đất công; tăng cường giám sát, quản lý chặt chẽ, nâng cao hiệu quả sử dụng đất giao cho các cộng đồng và doanh nghiệp nhà nước.

- Hoàn thiện thể chế phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường.

- Hoàn thiện thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với bảo đảm phát triển bền vững, tiến bộ và công bằng xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Hoàn thiện thể chế đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế.

- Hoàn thiện thể chế, chính sách thu hút đầu tư.

c) Nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật

- Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện quy trình lập pháp, lập quy theo hướng chặt chẽ, khoa học, hiện đại, chuyên nghiệp, áp dụng kỹ thuật lập pháp tiên bộ trong soạn thảo; tăng cường tham vấn ý kiến chuyên môn của các hiệp hội, chuyên gia, nhà khoa học và tham vấn ý kiến rộng rãi của người dân, tổ chức và xã hội trong quá trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tính minh bạch, tính nhất quán, ổn định và dự đoán được của pháp luật.

- Tăng cường kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, kịp thời phát hiện và xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.

d) Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi pháp luật

- Ban hành quy định và tổ chức triển khai có hiệu quả công tác theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật hàng năm tại các bộ, ngành, địa phương.

- Tăng cường năng lực phản ứng chính sách, xử lý các vấn đề mới phát sinh, đặc biệt gắn kết với quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật.

- Tăng cường theo dõi, kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Mục tiêu

Cải cách quyết liệt, hiệu quả thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp; thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước, bãi bỏ các rào cản hạn chế quyền tự do kinh doanh; cắt giảm điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chế độ báo cáo và danh mục hàng hóa kiểm tra

chuyên ngành không cần thiết; cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch; đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông, nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

Đến năm 2025:

- Cắt giảm, đơn giản hóa tối thiểu 20% số quy định và tối thiểu 20% chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh tại các văn bản đang có hiệu lực thi hành tính đến hết ngày 31 tháng 5 năm 2020. Giảm tối đa số lượng văn bản hiện hành có quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ.

- Ít nhất 80% thủ tục hành chính, có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên.

- Hoàn thành việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

- 80% thủ tục hành chính, có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4.

- 80% thủ tục hành chính cung cấp mức độ 3 và 4 của các bộ, ngành, địa phương được tích hợp với Công Dịch vụ công quốc gia.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ đạt từ 50% trở lên.

- Số hóa 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng lại thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ, ngành, địa phương.

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 95%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%.

- 100% thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời.

Đến năm 2030:

- 100% thủ tục hành chính, có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 50% trở lên.

- 90% thủ tục hành chính, có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 bình quân cả nước đạt tối

thiểu 80%.

- 100% thủ tục hành chính cung cấp mức độ 3 và 4 của các bộ, ngành, địa phương được tích hợp với Công dịch vụ công quốc gia.

- Số hóa 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ, ngành, địa phương đang còn hiệu lực.

- 90% số lượng người dân, doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính phủ điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 95%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 95%.

- Môi trường kinh doanh của Việt Nam được xếp vào nhóm 30 quốc gia hàng đầu.

2.2. Nhiệm vụ

a) Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp, bảo đảm thủ tục hành chính mới ban hành phải đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, trọng tâm là thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực: Đất đai, xây dựng, đầu tư, bảo hiểm, thuế, hải quan, công an,...và các thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực khác có số lượng, tần suất giao dịch lớn.

b) Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính

- Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trong quá trình thực hiện; loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho người dân, tổ chức.

- Rà soát, loại bỏ các thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý; cắt giảm mạnh các mẫu đơn, tờ khai có nội dung thông tin trùng lặp trong quy trình giải quyết một thủ tục hành chính hoặc nhóm thủ tục hành chính liên thông.

- Cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, loại bỏ các quy định, điều kiện không cần thiết, không hợp lý, đảm bảo thực chất. Tổ chức triển khai có kết quả Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025

- Cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành theo hướng cắt giảm số lượng danh mục sản phẩm hàng hóa kiểm tra chuyên ngành; đẩy mạnh điện tử hóa, hướng tới hải quan điện tử, phù hợp chuẩn mực quốc tế; tập trung đầu mối thực hiện kiểm tra chuyên ngành tại cửa khẩu là cơ quan hải quan, bộ quản lý chuyên ngành thực hiện hậu kiểm.

- Rà soát, thống kê và đơn giản hóa các thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ

quan hành chính nhà nước.

c) Thường xuyên, kịp thời cập nhật, công khai thủ tục hành chính dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức tìm hiểu và thực hiện. Xây dựng và vận hành có hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính từ Trung ương đến địa phương.

d) Tăng cường giải quyết gắn với kiểm soát, đánh giá, giám sát việc giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; đẩy mạnh việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính, chứng thực bản sao điện tử từ bản chính, trả kết quả giải quyết bản điện tử theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.

đ) Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Tiếp tục phát huy có hiệu quả kênh thông tin tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để kịp thời tháo gỡ vướng mắc khó khăn cho người dân, doanh nghiệp và chấn chỉnh hành vi những nhiều, thờ ơ, vô cảm của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ.

e) Phát huy vai trò của Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ trong việc đối thoại, nghiên cứu, đề xuất giải pháp tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính.

g) Hoàn thành kết nối Cổng Thông tin một cửa quốc gia, một cửa ASEAN với Cổng Dịch vụ công quốc gia; đẩy mạnh thực hiện các thủ tục kiểm tra chuyên ngành và thanh toán các khoản phí liên quan đến kiểm tra chuyên ngành trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

3.1. Mục tiêu

Tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp, định rõ việc của cơ quan hành chính nhà nước; phân định rõ mô hình tổ chức chính quyền nông thôn, đô thị, hải đảo và đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt. Tăng cường đổi mới, cải tiến phương thức làm việc nhằm nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành, nâng cao hiệu quả hoạt động và sắp xếp, tinh gọn hệ thống tổ chức cơ quan hành chính nhà nước các cấp theo quy định. Phấn đấu đến năm 2030, giảm còn 16 - 18 đầu mỗi các Bộ, cơ quan ngang Bộ; giảm mạnh đầu mỗi các tổ chức trung gian. Đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước; tăng cường rà soát, sắp xếp lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, có cơ cấu hợp lý và nâng cao hiệu quả hoạt động. Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90% vào năm 2025 và 95% vào năm 2030. Mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ cung cấp y tế, giáo dục

công lập đạt tối thiểu 85% vào năm 2025 và 90% vào năm 2030.

3.2. Nhiệm vụ

a) Xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Nghiên cứu, đề xuất mô hình tổ chức Chính phủ trong bối cảnh đẩy mạnh phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số và chủ động tham gia, thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Nghiên cứu, đề xuất thí điểm mô hình các cơ quan độc lập có chức năng thực thi pháp luật trên một số lĩnh vực, tiến tới tách chức năng thực thi pháp luật khỏi các Bộ, cơ quan ngang Bộ để tinh gọn bộ máy hành chính nhà nước.

- Rà soát, xác định rõ nhiệm vụ của các cơ quan hành chính phải thực hiện, những công việc cần phân cấp cho địa phương, cấp dưới thực hiện; công việc cần chuyên giao cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm; trên cơ sở đó thiết kế, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính phù hợp ở Trung ương và địa phương.

- Nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn phạm vi quản lý đa ngành, đa lĩnh vực của một số bộ, ngành, nhất là những bộ, ngành có chức năng, nhiệm vụ tương đồng, trùng lặp để có giải pháp phù hợp và thực hiện kiện toàn, sắp xếp tổ chức, thu gọn đầu mối, trọng tâm là các ngành, lĩnh vực: Giao thông - xây dựng; tài chính - kế hoạch đầu tư; dân tộc - tôn giáo, thanh tra - kiểm tra, giáo dục - khoa học và công nghệ,...

- Tiếp tục thực hiện thí điểm các mô hình tổ chức bộ máy nhà nước các cấp theo quy định của Đảng; đẩy mạnh việc nghiên cứu, thí điểm các mô hình tổ chức mới, đảm bảo tính đồng bộ, tinh gọn, linh hoạt, hiệu quả và phù hợp với yêu cầu phát triển của khoa học và công nghệ; kịp thời sơ kết, tổng kết và mở rộng dần những mô hình phù hợp, hiệu quả.

b) Tổ chức sắp xếp, kiện toàn các cơ quan trong bộ máy hành chính nhà nước

- Tiếp tục triển khai rà soát, sắp xếp, tinh gọn bộ máy tổ chức các cơ quan, đơn vị, giảm đầu mối tổ chức trung gian, khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo nguyên tắc một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính.

- Tiếp tục thí điểm chuyên giao một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm.

- Sắp xếp giảm tối đa các ban quản lý dự án, các tổ chức phối hợp liên ngành, nhất là các tổ chức có bộ phận giúp việc chuyên trách.

c) Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện thể chế về chính quyền địa phương

theo hướng phân định rõ hơn tổ chức bộ máy chính quyền đô thị, nông thôn, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

- Sắp xếp, kiện toàn, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã chưa đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật; ban hành giải pháp khuyến khích sáp nhập, tăng quy mô các đơn vị hành chính các cấp ở những nơi có đủ điều kiện để nâng cao năng lực quản lý, điều hành và tăng cường các nguồn lực của địa phương.

- Thực hiện sáp xếp, sáp nhập các thôn, tổ dân phố không bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định của Nhà nước.

- Thí điểm mô hình chính quyền đô thị, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt ở những nơi có đủ điều kiện.

d) Đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động để tinh gọn đầu mối, khắc phục chồng chéo, dàn trải và trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập

- Rà soát, hoàn thiện các quy định về tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập theo từng ngành, lĩnh vực; quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập, trọng tâm là các lĩnh vực: Y tế, giáo dục, lao động thương binh và xã hội, khoa học và công nghệ, văn hóa thể thao và du lịch, thông tin và truyền thông.

- Chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện sang công ty cổ phần.

- Nghiên cứu, ban hành các biện pháp đổi mới phương thức quản lý, tổ chức và hoạt động để nâng cao năng lực quản trị. Thực hiện thí điểm việc thi tuyển, thuê giám đốc điều hành tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

đ) Tăng cường phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa Trung ương và địa phương, giữa cấp trên và cấp dưới, gắn với quyền hạn và trách nhiệm; khuyến khích sự năng động, sáng tạo và phát huy tính tích cực, chủ động của các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về phân cấp quản lý giữa Trung ương và địa phương.

- Ban hành cơ chế, chính sách kiểm soát quyền lực chặt chẽ, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch và đề cao trách nhiệm giải trình trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ phân cấp.

- Ban hành và triển khai các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hiệu quả việc thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp.

e) Nghiên cứu, triển khai các biện pháp đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên cơ

sở ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin; tăng cường chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc của cơ quan hành chính các cấp trên môi trường số, tổ chức họp, hội nghị bằng hình thức trực tuyến, không giấy tờ.

4. Cải cách chế độ công vụ

4.1. Mục tiêu

Xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động và thực tài. Thực hiện cơ chế cạnh tranh lành mạnh, dân chủ, công khai, minh bạch trong bổ nhiệm, đề bạt cán bộ và tuyển dụng công chức, viên chức để thu hút người thực sự có đức, có tài vào làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước.

Đến năm 2025: Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định.

Đến năm 2030: Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý; đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ: 50% - 60% số lãnh đạo, quản lý cấp phòng, vụ, cục, tổng cục và tương đương ở Trung ương, 25% - 35% số lãnh đạo, quản lý cấp sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và tương đương, trên 30% số lãnh đạo, quản lý cấp phòng trực thuộc sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và tương đương, 80% số lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp nhà nước có đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.

4.2. Nhiệm vụ

a) Tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng, quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm đồng bộ với các quy định của Đảng về công tác cán bộ.

b) Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức.

Quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện, chính sách để giảm phạm vi, đối tượng bổ nhiệm cấp "hàm"; giảm tỉ lệ người phục vụ trong từng cơ quan, nhất là khối văn phòng.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức.

c) Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu.

d) Nghiên cứu, đổi mới phương pháp, quy trình đánh giá phân loại cán bộ,

công chức, viên chức theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch, lượng hóa các tiêu chí đánh giá và đề cao trách nhiệm người đứng đầu.

đ) Xây dựng, hoàn thiện và tổ chức triển khai các văn bản pháp luật quy định về chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang theo lộ trình cải cách chính sách tiền lương; quy định quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng trong các doanh nghiệp nhà nước; quy định về xác định tiền lương đối với sản phẩm, dịch vụ công ích.

e) Hoàn thiện các quy định về quản lý, sử dụng và thực hiện chế độ chính sách đối với viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập chuyên đổi hoạt động theo cơ chế tự chủ.

g) Hoàn thiện các quy định về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh những tổ chức, cá nhân sai phạm.

h) Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng và phẩm chất cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm. rà soát, sửa đổi, bổ sung khung chương trình bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn vị trí việc làm, chương trình bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước trước khi bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý.

i) Đổi mới cơ chế quản lý và chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

5. Cải cách tài chính công

5.1. Mục tiêu

Đổi mới mạnh mẽ cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan hành chính, đơn vị đơn vị sự nghiệp công lập gắn với nhiệm vụ được giao và sản phẩm đầu ra.

Đến năm 2025:

Có tối thiểu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ kinh phí chi thường xuyên; 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Đến năm 2030:

Giảm bình quân 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2025; giảm bình quân 15% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2021 - 2025.

5.2. Nhiệm vụ

a) Hoàn thiện các quy định về đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan, đơn vị gắn với nhiệm vụ được giao và sản phẩm đầu ra. Sửa đổi, bổ sung quy định về thực hiện cơ chế khoán kinh phí quản lý hành chính, đáp ứng yêu cầu thực tiễn

và cụ thể hóa các chủ trương của Đảng.

Đẩy mạnh hoạt động hợp tác và chủ động hội nhập quốc tế về tài chính; tăng cường theo dõi, giám sát thực hiện quá trình hội nhập quốc tế, hội nhập khu vực.

Nâng cao năng lực và hiệu quả giám sát và đảm bảo an ninh tài chính quốc gia; Giám sát an toàn về nợ công, nợ quốc gia, nợ Chính phủ; Tăng cường kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay về cho vay lại.

b) Phát triển đồng bộ thị trường tài chính và dịch vụ tài chính: Thị trường chứng khoán ổn định, vững chắc, hoạt động hiệu quả; thị trường bảo hiểm lành mạnh, an toàn; đồng bộ thị trường dịch vụ kế toán, kiểm toán; nâng cao năng lực hoạt động thẩm định giá của Việt Nam; thị trường trái phiếu theo hướng hiện đại, hoàn chỉnh đi đôi với tái cấu trúc thị trường tài chính.

c) Sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các quy định để đổi mới cơ chế tự chủ về tài chính tại các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập. Hoàn thiện các định mức kinh tế - kỹ thuật và tiêu chí kết quả, sản phẩm đầu ra. Ban hành quy định các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể để đánh giá kết quả, mức độ hoàn thành công việc của các cơ quan, đơn vị được giao quyền tự chủ; đánh giá chất lượng dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công lập và hướng dẫn danh mục đơn vị sự nghiệp công lập; hướng dẫn đánh giá hiệu quả công việc của từng người để làm tiêu chí xây dựng phương án chi bổ sung thu nhập.

Đẩy mạnh việc thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước; đổi mới cơ chế quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

d) Đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công lập theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách tạo điều kiện đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, nhất là y tế, giáo dục, khoa học và công nghệ...

- Ban hành các chính sách khuyến khích thành lập đơn vị sự nghiệp ngoài công lập (giáo dục, y tế, khoa học và công nghệ).

- Chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập sang mô hình tự chủ hoàn toàn cả về chi đầu tư, chi thường xuyên.

đ) Hoàn thiện cơ chế tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Hoàn thiện các quy định về nguồn thu, nhiệm vụ chi, phân phối thu nhập bổ sung, thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị; tăng cường phân cấp, tăng tính chủ động cho đơn vị sự nghiệp công lập.

- Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật để làm cơ sở cho việc xác định giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước gắn với lộ trình phù hợp.

- Chuyển mạnh cơ chế cấp phát theo dự toán sang cơ chế thanh toán theo đặt hàng, giao nhiệm vụ gắn với số lượng, chất lượng sản phẩm dịch vụ, giá cung cấp dịch vụ và nhu cầu sử dụng; tạo sự cạnh tranh bình đẳng trong cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa dịch vụ sự nghiệp công.

6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

6.1. Mục tiêu

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ thúc đẩy hoàn thành xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, góp phần nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công cho người dân, tổ chức.

Đến năm 2025:

- 100% cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử được hoàn thành và kết nối, chia sẻ trên toàn quốc.

- 100% Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia; 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 phổ biến, liên quan tới nhiều người dân, doanh nghiệp được tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia; 100% giao dịch trên các Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử các cấp được xác thực điện tử.

- 40% số lượng người dân, doanh nghiệp tham gia Cổng Dịch vụ công quốc gia được xác thực danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

- 80% các hệ thống thông tin của bộ, ngành, địa phương có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia không phải cung cấp lại.

- 90% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội (không bao gồm nội dung mật) phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, Trung tâm thông tin phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Triển khai nhân rộng Hệ thống thông tin phục vụ hợp và xử lý công việc của Chính phủ đến Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện: 100%

cấp tỉnh, 80% cấp huyện thực hiện họp thông qua hệ thống tại các cuộc họp của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.

- 90% hồ sơ công việc tại cấp bộ, tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- Việt Nam thuộc nhóm 70 nước dẫn đầu về Chính phủ điện tử (EGDI).

Đến năm 2030:

- 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- 100% hồ sơ công việc tại cấp bộ, tỉnh; 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%.

- Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về Chính phủ điện tử (EGDI).

6.2. Nhiệm vụ

a) Hoàn thiện môi trường pháp lý

Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, xây dựng khung pháp lý của bộ, ngành, địa phương hỗ trợ xây dựng, phát triển Chính phủ số và Chính quyền số các cấp.

b) Phát triển hạ tầng số

- Phát triển hạ tầng truyền dẫn đáp ứng nhu cầu triển khai Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số tại bộ, ngành, địa phương.

- Phát triển hệ thống dữ liệu phục vụ triển khai Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số tại bộ, ngành, địa phương.

- Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả.

- Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, gắn kết với phát triển đô thị thông minh tại các bộ, ngành, địa phương.

c) Phát triển nền tảng, hệ thống nội bộ

- Phát triển nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp bộ/tỉnh (LGSP) kết nối các

hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong nội bộ bộ, ngành, địa phương và kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam để trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan bên ngoài. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng (SOC) cho các hệ thống thông tin của bộ, ngành, địa phương.

- Phát triển các hệ thống đặc thù sử dụng trong phạm vi toàn ngành, địa phương để tiết kiệm thời gian, chi phí triển khai, tạo điều kiện kết nối, chia sẻ dữ liệu...

d) Phát triển dữ liệu nội bộ

- Phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ ứng dụng, dịch vụ Chính phủ số trong nội bộ của bộ, ngành, địa phương; thực hiện chia sẻ hiệu quả dữ liệu chuyên ngành của các bộ, ngành với các địa phương; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng kho dữ liệu để lưu trữ dữ liệu điện tử của các công dân khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với các cơ quan nhà nước trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh.

- Xây dựng Hệ thống phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp bộ, cấp tỉnh nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu số từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số.

đ) Phát triển ứng dụng, dịch vụ nội bộ

- Phát triển hệ thống thông tin phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ:

Tiếp tục phát triển, hoàn thiện Trục liên thông văn bản quốc gia thành nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu số kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ, phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, tiến tới triển khai phục vụ chỉ đạo, điều hành của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp.

Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kết nối, tích hợp theo thời gian thực với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, cơ quan, địa phương tại các cấp chính quyền.

Phát triển, hoàn thiện Hệ thống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi về thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, kết nối, liên thông với các hệ thống quản lý văn bản và điều hành của bộ, ngành, địa phương.

Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.

- Phát triển các ứng dụng, dịch vụ nghiệp vụ, chuyên ngành phục vụ nội bộ và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin trong và ngoài bộ, ngành, địa phương theo nhu cầu.

- Đẩy mạnh việc sử dụng chữ ký số, định danh số, chuyên đổi số và niêm phong điện tử trong xử lý văn bản hành chính, cắt giảm giấy tờ, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ.

- Phát triển các hệ thống làm việc tại nhà, từ xa của các cơ quan nhà nước.

- Ứng dụng mạnh mẽ, hiệu quả các công nghệ số mới như điện toán đám mây (Cloud), dữ liệu lớn (Big Data), di động, internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), mạng xã hội và các công nghệ số mới trong xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ Chính phủ điện tử tại bộ, ngành, địa phương.

e) Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp

- Phát triển, hoàn thiện Cổng Dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh trên cơ sở hợp nhất Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của các bộ, ngành, địa phương để cung cấp dịch vụ công trực tuyến; hoàn thành việc tích hợp toàn bộ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Xây dựng các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước.

g) Xây dựng, phát triển đô thị thông minh

- Phát triển các dịch vụ đô thị thông minh phù hợp điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế. Ưu tiên phát triển trước các dịch vụ giải quyết các vấn đề bức thiết của xã hội tại các đô thị như tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm môi trường, phát triển du lịch, phát triển y tế, phát triển giáo dục, quản lý trật tự xây dựng và phải bảo đảm hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí.

- Lựa chọn đô thị điển hình của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để triển khai thử nghiệm một số dịch vụ trên nền tảng đô thị thông minh; kịp thời sơ kết đánh giá và nhân rộng các mô hình hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành việc triển khai thực hiện cải cách hành chính từ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp.

Tăng cường vai trò, trách nhiệm, năng lực của cơ quan thường trực cải cách hành chính của Chính phủ và các cơ quan chủ trì triển khai các nội dung cải cách hành chính trong Chương trình. Có cơ chế phân công, phối hợp thống nhất, rõ thẩm quyền, trách nhiệm cụ thể giữa các cơ quan chủ trì triển khai các nội dung cải cách hành chính để bảo đảm Chương trình được triển khai đồng bộ, thống nhất theo lộ trình và mục tiêu đã đề ra.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo thống nhất việc thực hiện Chương trình trong phạm vi quản lý của mình; xác định cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cả nhiệm kỳ công tác; xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể trong từng thời gian, từng lĩnh vực; phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chương trình. Gắn việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính hàng năm với đánh giá trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, quản lý của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Coi trọng công tác thi đua, khen thưởng trong cải cách hành chính.

2. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp và xã hội.

Cải cách hành chính không chỉ là công việc riêng của hệ thống hành chính, mà là yêu cầu chung của toàn xã hội. Vì vậy, cần tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin để mọi cán bộ, công chức và người dân nhận thức đúng, đồng thuận, chấp hành các chủ trương, chính sách, nội dung cải cách hành chính của Đảng, Nhà nước. Tăng cường sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, người dân, doanh nghiệp trong việc giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của các cơ quan hành chính, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi nhiệm vụ, công vụ. Cần phải tiếp tục sử dụng công cụ, biện pháp thiết thực để phát huy dân chủ, thực hiện quyền giám sát của nhân dân đối với hoạt động của bộ máy hành chính, như tăng cường lấy ý kiến người dân đối với việc xây dựng thể chế, chính sách, đánh giá tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức; lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với chất lượng cung cấp dịch vụ công là thước đo chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước.

3. Bố trí đủ nguồn tài chính và nhân lực cho cải cách hành chính.

Phải huy động và bố trí đủ cán bộ, công chức, viên chức có năng lực xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính. Nâng cao năng lực nghiên cứu và chỉ đạo của các cơ quan có trách nhiệm giúp Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ công chức trực tiếp tham mưu nhiệm vụ cải cách hành chính của các bộ,

ngành, địa phương. Ưu tiên bố trí nguồn lực tài chính để triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính.

4. Tạo động lực cải cách trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đi liền với các chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ và có cơ chế loại bỏ, bãi miễn những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, mất uy tín với nhân dân. Tạo động lực cải cách bên trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bằng nhiều biện pháp, như: Đề cao trách nhiệm cá nhân trong thực thi công vụ; quan tâm đến nâng cao lợi ích của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bằng chính sách lương, thưởng thỏa đáng; đổi mới phương thức đánh giá cán bộ, công chức, viên chức dựa trên kết quả công việc; thực hành dân chủ trong cải cách hành chính; cơ chế, chính sách khuyến khích về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ và tạo cơ hội thăng tiến, phát triển cho những cá nhân có trách nhiệm, đổi mới, sáng tạo trong thực hiện cải cách hành chính.

5. Đổi mới phương pháp theo dõi, đánh giá định kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; thường xuyên đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức.

Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả cải cách hành chính hàng năm của cơ quan hành chính các cấp; đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tổ chức đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của các cơ quan hành chính theo hướng toàn diện, đa chiều, công khai, minh bạch, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong đánh giá.

Thường xuyên khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp dưới nhiều hình thức khác nhau, trên các nội dung quản lý nhà nước khác nhau, như ban hành cơ chế, chính sách pháp luật; tổ chức thực thi pháp luật; cung cấp dịch vụ công... của cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin, truyền thông trong khảo sát trực tuyến người dân, tổ chức để cung cấp thông tin thường xuyên, liên tục, kịp thời về tình hình phục vụ của các cơ quan hành chính cho Chính phủ và chính quyền các cấp ở địa phương.

6. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số trong hoạt động của cơ quan hành chính nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của

Chương trình trong dự toán ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao.

3. Khuyến khích việc huy động theo quy định của pháp luật các nguồn kinh phí ngoài ngân sách Trung ương để triển khai Chương trình.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Căn cứ Chương trình, xây dựng kế hoạch và lập dự toán ngân sách thực hiện cải cách hành chính hàng năm gửi Bộ Nội vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính để tổng hợp, cân đối ngân sách Trung ương cho triển khai kế hoạch cải cách hành chính và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chung trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của các cơ quan. Thời gian gửi dự toán ngân sách triển khai kế hoạch cải cách hành chính hàng năm cùng với thời gian gửi báo cáo dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan đến Bộ Tài chính.

b) Định kỳ hàng quý, 6 tháng, hàng năm hoặc đột xuất báo cáo Bộ Nội vụ tình hình thực hiện Chương trình theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

c) Lập dự toán kinh phí để thực hiện các đề án, dự án, kế hoạch, nhiệm vụ cải cách hành chính theo kế hoạch 5 năm, hàng năm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Các bộ, cơ quan chủ trì các đề án, dự án có quy mô quốc gia được nêu trong Phụ lục kèm theo Nghị quyết này có trách nhiệm phối hợp với các bộ, cơ quan có liên quan tổ chức xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức triển khai theo quy định hiện hành về quản lý ngân sách.

3. Bộ Nội vụ:

a) Là cơ quan thường trực tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

b) Chủ trì triển khai các nội dung cải cách tổ chức bộ máy hành chính, cải cách chế độ công vụ và cải cách chính sách tiền lương cho cán bộ, công chức, viên chức; phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cải cách chính sách tiền lương cho lực lượng vũ trang nhân dân.

c) Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo điều hành, đôn đốc triển khai thực hiện Chương trình.

d) Hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch cải cách hành chính hàng năm.

đ) Thẩm định các đề án cải cách hành chính do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung

ương xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ.

e) Hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng báo cáo cải cách hành chính hàng quý, 6 tháng và hàng năm hoặc đột xuất về tình hình thực hiện Chương trình.

g) Kiểm tra và tổng hợp việc thực hiện Chương trình; báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hàng quý, 6 tháng và hàng năm hoặc đột xuất.

h) Chủ trì xây dựng, triển khai thực hiện Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

i) Chủ trì xây dựng, triển khai thực hiện phương pháp đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

k) Hàng năm, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức thực hiện công tác cải cách hành chính ở các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng và đảm bảo cơ chế, chính sách thỏa đáng đối với đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp tham mưu nhiệm vụ cải cách hành chính của các bộ, ngành, địa phương

l) Chủ trì triển khai công tác tuyên truyền về cải cách hành chính.

m) Đến năm 2025 tiến hành sơ kết, đến năm 2029 tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình tổng thể.

4. Bộ Tư pháp:

a) Theo dõi, tổng hợp việc triển khai nội dung cải cách thể chế.

b) Chủ trì triển khai nhiệm vụ đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

5. Văn phòng Chính phủ:

a) Chủ trì triển khai nội dung cải cách thủ tục hành chính và Đề án đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc phát triển, quản lý, vận hành Cổng Dịch vụ công quốc gia; Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ; Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia và Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; Trục liên thông văn bản quốc gia; hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh.

c) Chủ trì đôn đốc các bộ, ngành, địa phương trong việc đổi mới lề lối, phương thức làm việc thông qua gửi, nhận văn bản điện tử, xử lý hồ sơ công việc

và giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; điều hành dựa trên dữ liệu số; tích hợp hệ thống thông tin báo cáo bộ, ngành, địa phương với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ hình thành Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

6. Bộ Tài chính:

a) Chủ trì tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính trong dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hàng năm của các Bộ, cơ quan Trung ương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

b) Chủ trì xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, chính sách về đổi mới cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

7. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Theo dõi, đôn đốc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phân bổ kinh phí từ ngân sách Trung ương cho các đề án, dự án trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm về cải cách hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước.

c) Chủ trì tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) thực hiện Chương trình.

8. Bộ Thông tin và Truyền thông:

a) Chủ trì triển khai nội dung phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

b) Phối hợp với Bộ Nội vụ thực hiện Đề án tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 và giai đoạn 2025 - 2030.

9. Bộ Y tế:

a) Chủ trì rà soát, làm rõ nội dung quản lý nhà nước về cung cấp dịch vụ y tế. Đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế.

b) Chủ trì xây dựng và hướng dẫn việc thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công.

c) Chủ trì đổi mới chính sách bảo hiểm y tế.

10. Bộ Giáo dục và Đào tạo:

a) Chủ trì rà soát, làm rõ nội dung quản lý nhà nước về cung cấp dịch vụ giáo dục. Đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

b) Chủ trì xây dựng và hướng dẫn việc thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công.

11. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Chủ trì rà soát, làm rõ nội dung quản lý nhà nước về cung cấp dịch vụ giáo dục nghề nghiệp. Đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

b) Chủ trì cải cách chính sách tiền lương đối với người lao động trong các loại hình doanh nghiệp, chính sách bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công; phối hợp với Bộ Nội vụ triển khai cải cách chính sách tiền lương cho cán bộ, công chức, viên chức.

12. Bộ Khoa học và Công nghệ:

Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính đổi mới cơ chế tài chính cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và cơ chế tự chủ của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

13. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch:

Thực hiện rà soát các cơ chế, chính sách xã hội hóa hiện hành, phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, ngành, địa phương đề xuất, tham mưu cho cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản mới hoặc sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành để đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch phù hợp với điều kiện của đất nước.

14. Bộ Công an:

a) Chủ trì triển khai, vận hành, khai thác và cập nhật có hiệu quả Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư sau khi được phê duyệt; xây dựng và vận hành Cơ sở dữ liệu Căn cước công dân.

b) Nghiên cứu, đề xuất đổi mới công tác quản lý cư trú theo hướng hiện đại với lộ trình, bước đi phù hợp.

15. Bộ Quốc phòng

Nghiên cứu, đổi mới công tác kiểm soát xuất, nhập cảnh, tiến tới kiểm soát tự động, thực hiện thủ tục trên môi trường điện tử tạo thuận lợi cho các hoạt động xuất, nhập cảnh qua các cửa khẩu do Bộ quản lý.

16. Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, các cơ quan thông tin, báo chí Trung ương và địa phương; Xây dựng chuyên mục, chuyên trang về cải cách hành chính để tuyên truyền Chương trình và tiếp nhận ý kiến phản hồi của người dân, doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức về cải cách hành chính của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí Thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg; TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu VT, KSTT.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính

Phụ lục
DANH MỤC CÁC ĐỀ ÁN, DỰ ÁN
VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUY MÔ QUỐC GIA
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-CP ngày tháng năm 2021 của Chính phủ)

| Số TT | TÊN DỰ ÁN, ĐỀ ÁN | CƠ QUAN CHỦ TRÌ | THỜI GIAN HOÀN THÀNH |
|-------|--|---|-----------------------------------|
| 1. | Đề án nghiên cứu mô hình, cơ cấu Chính phủ trong bối cảnh đẩy mạnh phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số và thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. | Bộ Nội vụ | 2024 |
| 2. | Đề án nghiên cứu mô hình tổ chức các cơ quan độc lập có chức năng thực thi pháp luật trên một số lĩnh vực. | Bộ Nội vụ | 2024 |
| 3. | Đề án “Theo dõi, đánh giá, xác định chỉ số cải cách hành chính của cơ quan hành chính nhà nước các cấp”. | Bộ Nội vụ | 2022 |
| 4. | Đề án “Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; chuẩn hóa và tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước các cấp”. | Bộ Nội vụ | 2024 |
| 5. | Đề án “Thí điểm thực hiện hợp đồng hành chính trong các cơ quan hành chính nhà nước”. | Bộ Nội vụ | 2024 |
| 6. | Đề án “Cải cách tổng thể chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công”. | Ban Chỉ đạo cải cách chính sách tiền lương nhà nước | |
| 7. | Đề án “Đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính”. | Văn phòng Chính phủ | 2021 |
| 8. | Đề án “Cải cách mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu” | Bộ Tài chính | Đã ban hành QĐ 38/QĐ-TTg năm 2020 |

| | | | |
|-----|---|------------------------|------|
| 9. | Đề án “Tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ, công chức chuyên trách thực hiện công tác cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030”. | Bộ Nội vụ | 2022 |
| 10. | Đề án “Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030”. | Bộ Nội vụ | 2022 |
| 11. | Đề án “Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đánh giá cải cách hành chính và khảo sát sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước”. | Bộ Nội vụ | 2022 |
| 12. | Đề án “Đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công”. | Bộ Y tế | 2022 |
| 13. | Đề án “Đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công”. | Bộ Giáo dục và Đào tạo | 2022 |
| 14. | Đề án “Đẩy mạnh phân cấp quản lý giữa Trung ương và địa phương giai đoạn 2021 - 2030” | Bộ Nội vụ | 2024 |
| 15. | Đề án “Đổi mới phương pháp đánh giá chất lượng hoạt động của tổ chức hành chính dựa trên kết quả” | Bộ Nội vụ | 2024 |
| 16. | Đề án “Đổi mới phương pháp đánh giá năng lực, kết quả thực hiện nhiệm vụ của công chức hàng năm” | Bộ Nội vụ | 2024 |
| 17. | Đề án “Đổi mới, nâng cao hiệu quả thực thi cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước” | Bộ Nội vụ | 2023 |